

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.:

20250930/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2025
Ho Chi Minh City, September 30, 2025

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
/To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 29/09/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,700	7.86%
2	AGR	100	0.09%
3	APG	200	0.12%
4	BIC	200	0.30%
5	BID	400	0.87%
6	BMI	100	0.12%
7	BSI	100	0.25%
8	BVH	300	0.91%
9	CTG	1,100	3.00%
10	CTS	100	0.22%
11	DSE	200	0.31%
12	EIB	2,000	2.76%
13	EVF	1,000	0.71%
14	FTS	200	0.39%
15	HCM	400	0.57%
16	HDB	3,500	5.67%
17	LPB	3,800	9.81%
18	MBB	5,400	7.62%
19	MIG	100	0.09%
20	MSB	2,900	2.04%
21	NAB	1,800	1.44%
22	OCB	1,000	0.69%
23	ORS	400	0.30%
24	SHB	4,300	3.97%
25	SSB	2,100	2.20%
26	SSI	1,800	3.68%
27	STB	2,400	7.29%
28	TCB	5,200	10.81%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	1.92%
31	TVS	100	0.10%
32	VCB	1,200	4.06%
33	VCI	600	1.39%
34	VDS	100	0.12%
35	VIB	2,700	2.87%
36	VIX	2,000	3.87%
37	VND	1,500	1.80%
38	VPB	5,800	9.48%
	Tiền/ Cash (VND)	4,684,497	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

1,856,160,000
1,860,844,497
4,684,497

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	25,650	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	28,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	40,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	46,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	56,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	TCB	38,700	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCB	63,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
8	VCI	43,000	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
9	VIB	19,800	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*) 29/09/2025	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**) 26/09/2025	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	16,700,000	16,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	18,710.00	18,710.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	310,761,031,032	314,221,424,178	(3,460,393,146)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,860,844,497	1,881,565,414	(20,720,917)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	18,608.44	18,815.65	(207.21)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	3,191.99	3,187.60	4.39

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

28/09/2025

/ Item 5 is net asset value at

28/09/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

25/09/2025

/ Item 5 is net asset value at

25/09/2025

